

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Định.

2. Bà Đào Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1978 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng V, sinh năm 1977 (Vắng mặt lần 02).

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Hùng V tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục; có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 30/5/2012 (đã ly hôn 01 lần, sau đó kết hôn lại). Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V ham mê cờ bạc, số đề dẫn đến nợ nần, còn quan hệ bất chính với người khác (bà bắt gặp tại nhà nghỉ Huyền Thoại vào ngày 29/6/2021); vì con bà đã khuyên nhủ bỏ qua nhiều lần nhưng ông V vẫn không cải sửa. Ông V còn ghen tuông vô cớ, đánh đập, xúc phạm danh dự bà nhiều lần. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm gì nữa, bà yêu cầu được ly hôn ông V.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Hùng V có 03 con chung là Nguyễn Phương N1, sinh năm 1996, Nguyễn Thành N2, sinh ngày 01/10/2004 và Nguyễn

Huy H, sinh ngày 25/4/2012. Khi ly hôn con chung là N1 đã thành niên, có việc làm tự nuôi sống bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết; còn 02 con chung là N2 và H thì bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa giải quyết’.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Hùng V vắng mặt không có lý do: Ông Nguyễn Hùng V đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Theo biên bản xác minh ngày 10/12/2021, Công an xã B cung cấp: Ông Nguyễn Hùng V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định theo hộ khẩu số 293 do ông làm chủ hộ; ông V hiện nay đang có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc thực hiện hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án: thực hiện đúng theo quy định Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm (tuy nhiên có vi phạm về thời hạn thụ lý đơn khởi kiện). Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Bà Trần Thị N được ly hôn ông Nguyễn Hùng V. Về con chung: con chung là Nguyễn Phương N1 đã thành niên, có việc làm tự nuôi sống bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét; giao 02 con chung là Nguyễn Thành N2, sinh ngày 01/10/2004 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 25/4/2012 cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành (nguyện vọng của N2 và H là được sống cùng mẹ - bà N); về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu nên miễn xét. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn là Bà Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Nguyễn Hùng V vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Hùng V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 30/5/2012 đúng theo quy định quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông V ham mê cờ bạc, số đề dẫn đến nợ nần; vì con bà N đã khuyên nhủ bỏ qua nhiều lần nhưng ông V vẫn không cải sửa. Ông V còn ghen tuông vô cớ, đánh đập, xúc phạm danh dự bà N nhiều lần. Ông V có mặt tại địa phương, mặc dù Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa là thể hiện không xem trọng cuộc hôn nhân này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà N yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Hùng V có 03 con chung là: Nguyễn Phương N1, sinh năm 1996, Nguyễn Thành N2, sinh ngày 01/10/2004 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 25/4/2012. Khi ly hôn con chung là N1 đã thành niên, có việc làm tự nuôi sống bản thân, bà N không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét; bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là N2 và H đến trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà N là phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung – N2 và H (được tiếp tục sống cùng mẹ), phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét

[2.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc bà Trần Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0007057 ngày 03/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn ông Nguyễn Hùng V.

- Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Hùng V có 03 con chung là: Nguyễn Phương N1, sinh năm 1996, Nguyễn Thành N2, sinh ngày 01/10/2004 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 25/4/2012. Con chung là N1 đã thành niên, có việc làm tự nuôi sống bản thân, bà N không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét;

Giao 02 con chung là Nguyễn Thành N2, sinh ngày 01/10/2004 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 25/4/2012 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị N không yêu cầu nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: bà Trần Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0007057 ngày 03/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà N đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam